

UNIT 9:

FESTIVALS AROUND THE WORLDS

A CLOSER LOOK 2

- host	(v) : đả ² ng cai tổ chức
- frequency	(adv) : thường xuyên
- manner	(n) : thái độ, cử chỉ, cách xử xự
- option	(n) : sự lựa chọn
- belong to	(v) : thuộc về
- owner	(n) : chủ nhân
- apricot blossom	(n) : hoa mai
- peach blossom	(n) : hoa đào
- take place	(v) : diễn ra, xảy ra
- organizer	(n) : người tổ chức